

THẺ LỆ TUYỂN SINH HỌC BỔNG CHÍNH QUYỀN TỈNH VÂN NAM DÀNH CHO SINH VIÊN QUỐC TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÂN NAM NĂM 2025

I. Loại hình đào tạo và chuyên ngành tuyển sinh

Áp dụng cho sinh viên quốc tế đăng ký học cấp bằng và học không cấp bằng. Học cấp bằng bao gồm sinh viên đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; học không cấp bằng bao gồm sinh viên bồi dưỡng Hán ngữ. Danh mục các chuyên ngành tuyển sinh vui lòng tham khảo tại trang web: <http://english.ynu.edu.cn/ynumajors.html> để biết chi tiết.

II. Các quốc gia tuyển sinh

Chủ yếu tập trung vào các nước Nam Á và Đông Nam Á, các nước khác cũng được xem xét.

III. Điều kiện xét tuyển

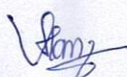
Người nộp đơn phải là công dân không mang quốc tịch Trung Quốc, có hộ chiếu hợp lệ, phẩm hạnh tốt, sức khỏe thể chất và tinh thần tốt, tuân thủ luật pháp Trung Quốc và quy định của trường, tôn trọng phong tục tập quán của người dân Trung Quốc.

Loại hình đào tạo	Trình độ học vấn và yêu cầu học tập	Yêu cầu về độ tuổi
Sinh viên đại học	Có bằng tốt nghiệp THPT hoặc trình độ học vấn tương đương, thành tích học tập xuất sắc	Không quá 25 tuổi
Thạc sĩ	Có bằng cử nhân hoặc trình độ học vấn tương đương, thành tích học tập xuất sắc	Không quá 35 tuổi
Tiến sĩ	Có bằng thạc sĩ hoặc trình độ học vấn tương đương, thành tích học tập xuất sắc	Không quá 40 tuổi
Sinh viên bồi dưỡng Hán ngữ	Có bằng cử nhân trở lên	Không quá 55 tuổi

Ghi chú: Ứng viên phải đáp ứng các yêu cầu đầu vào của trường Đại học Vân Nam về khả năng học tập, trình độ ngôn ngữ và các phương diện liên quan khác.

IV. Quy trình nộp hồ sơ

Ứng viên đáp ứng yêu cầu tuyển sinh phải đăng ký tài khoản cá nhân trên Nền tảng dịch vụ sinh viên quốc tế của Đại học Vân Nam (<https://ynu.at0086.cn/StuApplication/Login.aspx>) trước 00 giờ ngày 20 tháng 4 năm 2025 (giờ Bắc Kinh), điền các thông tin đăng ký trực tuyến và tải lên các tài liệu đăng ký theo yêu cầu.



V. Hồ sơ đăng ký

1. “Đơn xin học bổng chính quyền tỉnh Vân Nam”

- Vui lòng tải xuống từ Nền tảng dịch vụ sinh viên quốc tế của Đại học Vân Nam và điền bằng tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh.

2. Bản scan trang thông tin cá nhân của hộ chiếu

- Hộ chiếu phải còn hiệu lực trong ít nhất 6 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ.
- Nếu có visa hoặc giấy phép cư trú tại Trung Quốc, cũng cần gửi kèm.

3. Ảnh thẻ

- Ảnh phải được đặt tên theo số hộ chiếu.

4. Giấy khám sức khỏe dành cho người nước ngoài

- Ngày khám sức khỏe phải trong vòng 6 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ.
- Ứng viên phải kiểm tra sức khỏe theo các mục yêu cầu trong giấy này. Hồ sơ khám sức khỏe không hợp lệ nếu thiếu mục, không dán ảnh cá nhân hoặc ảnh không được đóng dấu giáp lai, không có chữ ký của bác sĩ và dấu của bệnh viện.

5. Bản gốc Bằng tốt nghiệp và chứng nhận học vị cao nhất

- Nếu ứng viên đang là học sinh/sinh viên sắp tốt nghiệp có thể nộp giấy chứng nhận dự kiến tốt nghiệp của trường đang theo học. Khi đến trường đăng ký nhập học cần xuất trình bản gốc bằng tốt nghiệp và học vị, đồng thời bổ sung bản sao.
- Nếu văn bằng không phải bằng tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh, cần đính kèm bản dịch tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh có công chứng.

6. Bản gốc Bảng điểm học tập

- Ứng viên cần nộp bảng điểm bao gồm toàn bộ các môn học đã học ở tất cả các cấp học từ trung học phổ thông trở lên. Nếu có bản mô tả về tiêu chuẩn đánh giá thành tích, vui lòng tải lên kèm theo bảng điểm.
- Nếu bảng điểm không phải bằng tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh, cần đính kèm bản dịch tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh có công chứng.

7. Chứng chỉ năng lực ngôn ngữ

- Ứng viên học bằng tiếng Trung Quốc: Nộp chứng chỉ HSK cấp 4 (điểm ≥ 180) (có giá trị trong 02 năm), một số chuyên ngành bậc Đại học yêu cầu HSK cấp 5 (điểm ≥ 180) (Vui lòng tham khảo tại trang web: <http://english.ynu.edu.cn/ynumajors.html> để biết chi tiết). Nếu trình độ học vấn cao nhất được dạy bằng tiếng Trung Quốc, có thể cung cấp giấy xác nhận học bằng tiếng Trung Quốc của trường theo học.



- Ứng viên học bằng tiếng Anh phải đáp ứng ít nhất một trong các điều kiện sau: IELTS (học thuật) $\geq 6,5$ điểm/TOEFL ≥ 90 điểm/các chứng chỉ hợp lệ khác còn thời hạn về trình độ tiếng Anh tương đương được trường chúng tôi công nhận/đến từ quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ làm việc.

8. Kế hoạch học tập/nghiên cứu

- Viết bằng tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh, dài ít nhất 1000 chữ/từ;
- Nội dung bao gồm các vấn đề khoa học của nghiên cứu, các cơ sở đã có, các ý tưởng cơ bản, phương pháp nghiên cứu và mục tiêu dự kiến...

9. Thư giới thiệu

- Người xin học thạc sĩ hoặc tiến sĩ cần nộp 02 thư giới thiệu của giáo sư hoặc phó giáo sư; trong thư giới thiệu phải ghi rõ họ tên, chức danh, phương thức liên hệ của người giới thiệu.
- Thư giới thiệu chỉ có thể viết bằng tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh, nội dung cần tập trung vào mục tiêu học tập tại Trung Quốc của ứng viên cũng như đánh giá khả năng toàn diện và sự phát triển trong tương lai của sinh viên.

10. Giấy chứng nhận không tiền án tiền sự

- Ứng viên phải nộp giấy chứng nhận không có tiền án tiền sự do cơ quan công an địa phương cấp.
- Ngày cấp giấy chứng nhận không có tiền án tiền sự phải trong vòng 6 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ.

11. Chứng minh tài chính

- Ứng viên có thể nộp giấy xác nhận số dư ngân hàng trong 6 tháng gần nhất.
- Ứng viên có thể tải xuống và điền vào “Mẫu bảo lãnh tài chính dành cho sinh viên quốc tế”. Thông tin điền vào phải đúng sự thật và chính xác, được viết tay và có chữ ký của người bảo lãnh tài chính, đồng thời phải đính kèm CCCD và chứng nhận số dư ngân hàng của người bảo lãnh.

12. Danh mục tác phẩm

- Ứng viên ngành âm nhạc phải đáp ứng yêu cầu về trình độ học vấn piano tương ứng và nộp CD tác phẩm của mình. Ứng viên ngành mỹ thuật phải nộp 6 ảnh màu về tác phẩm của mình (2 bức tranh phác thảo, 2 bức tranh màu và 2 tác phẩm khác).
- Một số chuyên ngành sẽ yêu cầu ứng viên nộp tài liệu bổ sung. Các vấn đề cụ thể sẽ được thông báo sau khi đăng ký.



13. Cam kết về tính trung thực trong hồ sơ đăng ký của sinh viên quốc tế Đại học Vân Nam

Ghi chú:

- (1) Trong giai đoạn nộp hồ sơ, chỉ cần tải hồ sơ bản điện tử lên hệ thống ứng dụng. Vui lòng không gửi hồ sơ bản cứng qua đường bưu điện hoặc gửi qua email, nếu không hồ sơ sẽ không được xem xét và xử lý.
- (2) Tất cả các tài liệu do người nộp hồ sơ tải lên phải rõ ràng, đúng sự thật và hợp lệ. Nên sử dụng thiết bị chuyên nghiệp để quét các tài liệu liên quan. Người nộp hồ sơ phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả do tài liệu tải lên không rõ ràng hoặc không thể nhận dạng được gây ra.
- (3) Nếu hồ sơ không phải bằng tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh, cần đính kèm bản dịch tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh có công chứng.
- (4) Trường chúng tôi sẽ liên hệ với các ứng viên dựa trên nhu cầu thực tế. Ứng viên phải đảm bảo mọi thông tin đều chính xác; email, điện thoại và các thông tin liên lạc khác phải được mở và tin nhắn trong hệ thống ứng dụng phải được kiểm tra thường xuyên, nếu không ứng viên sẽ phải chịu trách nhiệm về hậu quả.

VI. Tuyển chọn và thông báo

1. Đại học Vân Nam sẽ tổ chức chuyên gia xem xét, thẩm định hồ sơ dự tuyển của ứng viên, lựa chọn ra người trúng tuyển dự kiến và báo cáo Sở Giáo dục tỉnh Vân Nam, những ai đạt yêu cầu sẽ được xét tuyển.
2. Đại học Vân Nam sẽ gửi hồ sơ nhập học cho người đạt học bổng trước tháng 8.
3. Mỗi người nhận học bổng chỉ có thể nhận tài trợ của một chương trình học bổng.
4. Sau khi nhập học, người nhận học bổng không được phép thay đổi trường, không được phép thay đổi chuyên ngành và thời gian học.
5. Đối với những sinh viên không thể đến Trung Quốc nhập học theo thời gian trong thông báo nhập học, học bổng của sinh viên sẽ không được bảo lưu.

VII. Đăng ký nhập học

1. Thời gian, địa điểm và yêu cầu nhập học thực hiện theo Giấy báo nhập học.
2. Khi đăng ký nhập học, phải cung cấp bản gốc tất cả các tài liệu đăng ký theo yêu cầu, nếu không sẽ bị hủy bỏ tư cách nhập học.
3. Nếu không thể đăng ký nhập học đúng hạn vì lý do đặc biệt, phải gửi đơn xin nhập học muộn bằng văn bản qua email ít nhất trước thời hạn đăng ký nhập học 15 ngày làm việc. Việc đăng ký nhập học có thể được gia hạn sau khi được phê duyệt;



nếu không được phê duyệt, sinh viên không đến đăng ký nhập học đúng thời hạn sẽ bị hủy bỏ tư cách nhập học.

VIII. Liên hệ với chúng tôi

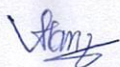
Người liên hệ: Thầy/cô Trần, Thầy/cô Phó

ĐT: +86-871-65032910

Email: lxsk@ynu.edu.cn

Thời gian làm việc: 8:30-12:00, 14:00-17:00 (giờ Bắc Kinh) thứ hai đến thứ sáu

Quyền giải thích thể lệ tuyển sinh này thuộc về phòng Hợp tác và giao lưu quốc tế,
Đại học Vân Nam



Danh mục các chuyên ngành đại học

Yêu cầu về trình độ ngôn ngữ đối với các chuyên ngành dưới đây: HSK cấp 4 (điểm ≥ 180)

Chuyên ngành	Thời gian học (năm)	Học phí (NDT/người /năm học)	Chuyên ngành	Thời gian học (năm)	Học phí (NDT/người /năm học)
Hán ngữ	4	10000	Luật học	4	10000
Báo chí	4	10000	Kỹ thuật thông tin điện tử	4	11000
Phát thanh và truyền hình	4	10000	Kỹ thuật truyền thông	4	11000
Lịch sử	4	10000	Khoa học và kỹ thuật máy tính	4	11000
Lưu trữ	4	10000	Kỹ thuật Internet vạn vật	4	11000
Quản lý tài nguyên thông tin	4	10000	Khoa học và Công nghệ thông minh	4	11000
Dân tộc học	4	10000	Kỹ thuật phần mềm	4	11000
Xã hội học	4	10000	Công nghệ truyền thông kỹ thuật số	4	11000
Công tác xã hội	4	10000	An ninh mạng	4	11000
Triết học	4	10000	Trí tuệ nhân tạo	4	11000
Chính trị học và hành chính học	4	10000	Khoa học sinh học	4	11000
Quản lý sự nghiệp công cộng	4	10000	Công nghệ sinh học	4	11000
Quản lý hành chính	4	10000	Sinh thái học	4	11000
Lý luận Chủ nghĩa Mác	4	10000	Khoa học và Kỹ thuật môi trường	4	11000
Kinh tế học	4	10000	Khoa học và công nghệ thực vật	4	11000
Tài chính học	4	10000	Kiến trúc học	5	11000
Tài chính	4	10000	Quy hoạch đô thị và nông thôn	5	11000

Stem

Kinh tế và Thương mại Quốc tế	4	10000	Kỹ thuật dân dụng	4	11000
Quản trị kinh doanh	4	10000	Âm nhạc	4	15000
Quản lý nguồn nhân lực	4	10000	Mỹ thuật	4	15000
Quản lý du lịch	4	10000	Hội họa	4	15000
Quản lý tài chính	4	10000	Thiết kế truyền thông trực quan	4	15000
Quản lý hậu cần	4	10000	Thiết kế môi trường	4	15000
Kế toán	4	10000	Giáo dục thể chất	4	10000

Yêu cầu về trình độ ngôn ngữ đối với các chuyên ngành dưới đây: HSK cấp 5 (điểm ≥ 180)

Chuyên ngành	Thời gian học (năm)	Học phí (NDT/người /năm học)	Chuyên ngành	Thời gian học (năm)	Học phí (NDT/người /năm học)
Toán học và toán học ứng dụng	4	11000	Khoa học và kỹ thuật vật liệu	4	11000
Khoa học thông tin và máy tính	4	11000	Khoa học và kỹ thuật năng lượng mới	4	11000
Thống kê học	4	11000	Khoa học địa lý	4	11000
Khoa học dữ liệu và công nghệ dữ liệu lớn	4	11000	Khoa học thông tin địa lý	4	11000
Vật lý	4	11000	Khoa học khí quyển	4	11000
Khoa học và kỹ thuật thông tin quang điện tử	4	11000	Vật lý học địa cầu	4	11000
Hóa học	4	11000	Địa chất học	4	11000
Vật liệu và kỹ thuật Polymer	4	11000	Khoa học nhân giống sinh học	4	11000
Kỹ thuật và công nghệ Hóa học	4	11000	Dược học	4	15000
Kỹ thuật chế tạo dược phẩm	4	11000			

Handwritten signature

Yêu cầu về trình độ ngôn ngữ đối với các chuyên ngành dưới đây:

Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo “Thẻ lệ tuyển sinh sinh viên quốc tế năm 2025 của Đại học Vân Nam cho các chương trình đại học dạy bằng tiếng Anh”

Chuyên ngành	Thời gian học (năm)	Học phí (NDT/người/năm học)
Kỹ thuật phần mềm (dạy bằng tiếng Anh)	4	16000

Vemz

Danh mục các chuyên ngành thạc sĩ

Chuyên ngành	Thời gian học (năm)	Học phí (NDT/người /năm học)	Chuyên ngành	Thời gian học (năm)	Học phí (NDT/người /năm học)
Giáo dục tiếng Trung Quốc quốc tế	3	9000	Sinh học tế bào	3	8000
Tài chính	3	12000	Hóa sinh và sinh học phân tử	3	8000
Kinh doanh quốc tế	3	12000	Sinh học vật lý học	3	8000
Thẩm định tài sản	3	12000	Sinh học tiến hóa	3	8000
Kiểm toán	3	12000	Thông tin sinh học	3	8000
Pháp luật (Phi luật)	3	12000	Hệ thống thông tin và truyền thông	3	8000
Pháp luật (Luật học)	3	12000	Xử lý tín hiệu và thông tin	3	8000
Công tác xã hội	3	10000	Lý luận điều khiển và kỹ thuật điều khiển	3	8000
Kế toán	3	12000	Công nghệ phát hiện và thiết bị tự động hóa	3	8000
Kỹ thuật và quản lý hậu cần	3	12000	Nhận dạng mẫu và hệ thống thông minh	3	8000
Mỹ thuật và thư pháp	3	12000	Kết cấu hệ thống máy tính	3	8000
Thiết kế	3	12000	Phần mềm máy tính và lý luận	3	8000
Thống kê ứng dụng	3	12000	Công nghệ ứng dụng máy tính	3	8000
Công nghệ thông tin điện tử thế hệ mới	3	8000	Kỹ thuật sinh học y học	3	8000
Kỹ thuật truyền thông	3	8000	Hóa vô cơ	3	8000
Công nghệ máy tính	3	8000	Hóa học phân tích	3	8000

Handwritten signature

Trí tuệ nhân tạo	3	8000	Hóa học hữu cơ	3	8000
Kỹ thuật hóa học	3	8000	Hóa lý	3	8000
Kỹ thuật phần mềm	3	10000	Hóa học và Vật lý Polymer	3	8000
An ninh mạng và thông tin	3	10000	Lý luận vật lý	3	8000
Kỹ thuật dân dụng	3	10000	Vật lý hạt và Vật lý hạt nhân	3	8000
Nông học và hạt giống	3	8000	Vật lý chất ngưng tụ	3	8000
Tài nguyên và môi trường	3	8000	Quang học	3	8000
Sinh học và Y học	3	8000	Vật lý thiên văn	3	8000
Giáo dục thể chất	3	10000	Địa chất môi trường	3	8000
Huấn luyện thể thao	3	10000	Khí tượng học	3	8000
Hướng dẫn thể thao xã hội	3	10000	Vật lý khí quyển và môi trường khí quyển	3	8000
Báo chí và truyền thông	3	12000	Địa cầu vật lý rắn	3	8000
Bảo tàng	3	10000	Vật lý không gian	3	8000
Thư viện và thông tin	3	9000	Khoáng vật học, nhám thạch học, khai thác khoáng sản	3	8000
Kỹ thuật vật liệu	3	8000	Hóa học địa cầu	3	8000
Công nghệ giáo dục hiện đại	3	10000	Cổ sinh vật học và địa tầng	3	8000
Giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật	3	10000	Cấu tạo địa chất	3	8000
Lý luận kinh tế học	3	8000	Địa chất đệ tứ	3	8000

Handwritten signature

Kinh tế học ứng dụng	3	8000	Lý luận và phương pháp công nghệ phần mềm	3	8000
Triết học	3	8000	Công nghệ kỹ thuật phần mềm	3	8000
Chính trị học	3	8000	Kỹ thuật phần mềm miền	3	8000
Quản lý học công cộng	3	8000	Trí tuệ nhân tạo và máy móc	3	8000
Lý luận pháp luật	3	8000	An ninh không gian mạng	3	8000
Lịch sử pháp luật	3	8000	Địa kỹ thuật	3	8000
Luật hiến pháp và Luật hành chính	3	8000	Kỹ thuật kết cấu	3	8000
Luật hình sự	3	8000	Kỹ thuật đô thị	3	8000
Luật dân sự và thương mại	3	8000	Quy hoạch đô thị và nông thôn	3	8000
Luật tố tụng	3	8000	Địa lý tự nhiên	3	8000
Luật kinh tế	3	8000	Địa lý nhân văn	3	8000
Luật pháp quốc tế	3	8000	Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý	3	8000
Luật sở hữu trí tuệ	3	8000	Khoa học cây trồng	3	8000
Tôn giáo học	3	8000	Nhân giống thiết kế thông minh	3	8000
Xã hội học	3	8000	Di truyền y học	3	8000
Nhân khẩu học	3	8000	Thực vật học	3	8000
Nhân loại học	3	8000	Động vật học	3	8000
Nghiên cứu về phong tục tập quán (dân tục học)	3	8000	Sinh thái học	3	8000
Lý luận dân tộc và chính sách của Mác	3	8000	Giao tiếp văn hóa	3	8000
Dân tộc học Trung Hoa	3	8000	Báo chí	3	8000

Nhân loại học và các dân tộc trên thế giới	3	8000	Giao tiếp	3	8000
Khoa học và Kỹ thuật quản lý	3	8000	Lịch sử Trung Quốc	3	8000
Quản lý kinh doanh	3	8000	Nghiên cứu biên giới Trung Quốc	3	8000
Quản lý du lịch	3	8000	Lịch sử thế giới	3	8000
Kinh tế kỹ thuật và Quản lý	3	8000	Thư viện học	3	8000
Chính trị quốc tế	3	8000	Khoa học thông tin	3	8000
Quan hệ quốc tế	3	8000	Lưu trữ	3	8000
Ngoại giao	3	8000	Văn học và nghệ thuật	3	8000
Nghiên cứu quốc gia khu vực	3	8000	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	3	8000
Nghệ thuật học	3	8000	Văn tự Hán ngữ	3	8000
Những nguyên tắc cơ bản của Chủ nghĩa Mác	3	8000	Văn hiến học cổ điển Trung Quốc	3	8000
Lịch sử phát triển của Chủ nghĩa Mác	3	8000	Văn học Trung Quốc cổ đại	3	8000
Nghiên cứu về quá trình Trung Quốc hóa của Chủ nghĩa Mác	3	8000	Văn học hiện đại và đương đại Trung Quốc	3	8000
Nghiên cứu về Chủ nghĩa Mác ở nước ngoài	3	8000	Văn học ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc	3	8000
Giáo dục chính trị và tư tưởng	3	8000	Văn học so sánh và Văn học thế giới	3	8000
Nghiên cứu những vấn đề cơ bản của lịch sử Trung Quốc cận hiện đại	3	8000	Văn học dân gian Trung Quốc	3	8000

Handwritten signature

Toán học cơ bản	3	8000	Vật liệu Vật lý và Hóa học	3	8000
Toán học tính toán	3	8000	Vật liệu học	3	8000
Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	3	8000	Kỹ thuật xử lý vật liệu	3	8000
Toán ứng dụng	3	8000	Khoa học và kỹ thuật năng lượng mới	3	8000
Vận trù học và điều khiển học	3	8000	Vật liệu và thiết bị năng lượng mới	3	8000
Thống kê học	3	8000	Hóa dược	3	8000
Thống kê kinh tế xã hội	3	8000	Phân tích dược phẩm	3	8000
Thống kê dữ liệu lớn	3	8000	Dược phẩm vi sinh và sinh hóa	3	8000
Vi sinh vật	3	8000	Dược lý học	3	8000
Di truyền học	3	8000	Giáo dục học	3	8000
Sinh học phát triển	3	8000			

1/2/2023

1/2/2023

Danh mục các chuyên ngành tiến sĩ

Chuyên ngành	Thời gian học (năm)	Học phí (NDT/người /năm học)	Chuyên ngành	Thời gian học (năm)	Học phí (NDT/người /năm học)
Kinh tế chính trị	4	10000	Sinh học thần kinh	4	10000
Lịch sử tư tưởng kinh tế	4	10000	Di truyền học	4	10000
Lịch sử kinh tế	4	10000	Sinh học phát triển	4	10000
Kinh tế phương Tây	4	10000	Sinh học tế bào	4	10000
Kinh tế thế giới	4	10000	Hóa sinh và sinh học phân tử	4	10000
Kinh tế dân số, tài nguyên và môi trường	4	10000	Sinh học vật lý học	4	10000
Kinh tế học năng lượng	4	10000	Sinh thái học	4	10000
Kinh tế phát triển	4	10000	An ninh sinh thái xuyên biên giới	4	10000
Kinh tế số	4	10000	Sinh học tiến hóa	4	10000
Lý luận chính trị	4	10000	Bảo vệ sinh vật học	4	10000
Hệ thống chính trị Trung Quốc và nước ngoài	4	10000	Di truyền y học	4	10000
Chính trị quốc tế	4	10000	Sinh học thông tin	4	10000
Quan hệ quốc tế	4	10000	Thống kê ứng dụng	4	10000
Ngoại giao	4	10000	Thống kê dữ liệu lớn	4	10000
Nghiên cứu quốc gia khu vực	4	10000	Hệ thống thông tin và truyền thông	4	10000
Dân tộc học Trung Hoa	4	10000	Xử lý tín hiệu và thông tin	4	10000

Handwritten signature

Nhân loại học và các dân tộc trên thế giới	4	10000	Kế toán	4	10000
Giáo dục chính trị và tư tưởng	4	10000	Quản lý kinh doanh	4	10000
Văn học và nghệ thuật	4	10000	Quản lý du lịch	4	10000
Văn học hiện đại và đương đại Trung Quốc	4	10000	Kinh tế kỹ thuật và quản lý	4	10000
Giao tiếp văn hóa	4	10000	Quản lý hành chính	4	10000
Văn học dân gian Trung Quốc	4	10000	Lý luận pháp luật	4	10000
Lý thuyết sử học và lịch sử sử học	4	10000	Lịch sử pháp luật	4	10000
Lịch sử địa lý học	4	10000	Luật hiến pháp và luật hành chính	4	10000
Lịch sử văn hiến học	4	10000	Luật hình sự	4	10000
Lịch sử chuyên ngành	4	10000	Luật dân sự và thương mại	4	10000
Lịch sử Trung Quốc cổ đại	4	10000	Luật tổ tụng	4	10000
Lịch sử Trung Quốc cận đại và hiện đại	4	10000	Luật kinh tế	4	10000
Nghiên cứu biên giới Trung Quốc	4	10000	Luật bảo vệ tài nguyên và môi trường	4	10000
Toán học cơ bản	4	10000	Luật pháp quốc tế	4	10000
Toán học tính toán	4	10000	Xã hội học	4	10000
Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	4	10000	Dân số học	4	10000
Toán ứng dụng	4	10000	Nhân loại học	4	10000
Vận trù học và điều khiển học	4	10000	Nghiên cứu về phong tục tập quán (dân tục học)	4	10000

Handwritten signature

Lý luận vật lý	4	10000	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác	4	10000
Vật lý hạt và Vật lý hạt nhân	4	10000	Lịch sử phát triển của Chủ nghĩa Mác	4	10000
Vật lý nguyên tử và phân tử	4	10000	Nghiên cứu về quá trình Trung Quốc hóa của Chủ nghĩa Mác	4	10000
Vật lý plasma	4	10000	Nghiên cứu về Chủ nghĩa Mác ở nước ngoài	4	10000
Vật lý chất ngưng tụ	4	10000	Nghiên cứu những vấn đề cơ bản của lịch sử Trung Quốc cận đại và hiện đại	4	10000
Âm học	4	10000	Địa lý tự nhiên	4	10000
Quang học	4	10000	Địa lý nhân văn	4	10000
Vật lý vô tuyến	4	10000	Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý	4	10000
Hóa vô cơ	4	10000	Vật lý khí quyển và môi trường khí quyển	4	10000
Hóa học phân tích	4	10000	Kết cấu hệ thống máy tính	4	10000
Hóa học hữu cơ	4	10000	Phần mềm máy tính và lý luận	4	10000
Hóa lý	4	10000	Kỹ thuật ứng dụng máy tính	4	10000
Hóa học và Vật lý Polymer	4	10000	Vật liệu Vật lý và Hóa học	4	10000
Vật lý thiên thể	4	10000	Vật liệu học	4	10000

Handwritten signature

Chiêm tinh học và thiên thể lực học	4	10000	Kỹ thuật xử lý vật liệu	4	10000
Khí tượng học	4	10000	Kinh tế và quản lý giáo dục	4	10000
Thực vật học	4	10000	An sinh xã hội	4	10000
Động vật học	4	10000	Tài nguyên và môi trường	4	10000
Sinh lý học	4	10000	Sinh học tiến hóa (dạy bằng tiếng Anh)	4	15000
Sinh vật thủy sinh	4	10000	Sinh thái học (dạy bằng tiếng Anh)	4	15000
Vi sinh vật	4	10000	Thống kê ứng dụng (dạy bằng tiếng Anh)	4	15000

